

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SAO THÁI BÌNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SAO THÁI BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO THAI BINH PRODUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SAOTHAIBINH., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108604857

3. Ngày thành lập: 28/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12, Tầng 3, Tòa tháp Đông CC thuộc DA khu nhà ở CB học viện Quốc phòng, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
2.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
5.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
6.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
7.	Quảng cáo	7310
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Sản xuất sợi	1311
10.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
11.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
12.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
16.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
24.	Bán buôn thực phẩm	4632
25.	Bán buôn đồ uống	4633
26.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
30.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
31.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
32.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
36.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
39.	Bốc xếp hàng hóa	5224
40.	Cổng thông tin	6312
41.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
48.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
51.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
52.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà Công ty kinh doanh	8299
55.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
56.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
57.	In ấn	1811
58.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
59.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
60.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
66.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
67.	Sản xuất giày, dép	1520
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
70.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
71.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
74.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
75.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649

77.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;	4661
78.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
79.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
80.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	14-A1 Khu tập thể Thủ Lệ 1, đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	272.000	2.720.000.000	40,000	011897647	
			Tổng số	272.000	2.720.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THỰC ANH	P5-C10 Nguyễn Phong Sắc, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	30,000	0011740043 57	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	30,000		
3	LÊ THỊ LIÊN	Xóm 3, thôn Đồng Phú, Xã Độc Lập, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	30,000	0341920012 67	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỰC ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/10/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001174004357

Ngày cấp: 15/05/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P5-C10 Nguyễn Phong Sắc, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P5-C10 Nguyễn Phong Sắc, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội